

Số: ~~447~~ /XNK-CBTT

An Giang, ngày 12 tháng 9 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

- Tên tổ chức:** CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
 - Mã chứng khoán: **AGM**
 - Địa chỉ: Số 01 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
 - Điện thoại: 0296. 3844 669 - 9999 999 Fax: 0296.3843 239.
 - E-mail: info@angimex.com
- Nội dung thông tin công bố:**
 - Báo cáo Tài chính riêng và Báo cáo Tài chính hợp nhất bán niên năm 2023 đã được soát xét.
 - Giải trình Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2023 bị lỗ và giải trình chênh lệch Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2023 so với 6 tháng đầu năm 2022 đã soát xét.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang vào ngày 12/9/2023 tại địa chỉ: <http://www.angimex.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính riêng bán niên năm 2023 đã được soát xét.
- Báo cáo Tài chính hợp nhất bán niên năm 2023 đã được soát xét.
- Công văn số ~~447~~ /XNK-TCKT ngày 12/9/2023 về việc Giải trình Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2023 bị lỗ và giải trình chênh lệch Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2023 so với 6 tháng đầu năm 2022 đã soát xét.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, Người được UQ CBTT





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
đã được soát xét**

*Cho kỳ kế toán 6 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*

SVC SVC SVC SVC SVC S
VC SVC SVC SVC SVI

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
đã được soát xét**

*Cho kỳ kế toán 6 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. THÔNG TIN CHUNG	1 - 2
2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3
3. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
4. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
5. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
6. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9
7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 49

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THÔNG TIN CHUNG

1. Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5203000083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 27 ngày 04 tháng 3 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là “AGM” theo Quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2012.

2. Hoạt động chính

- Xây xát thóc lúa;
- Đánh bóng và xuất khẩu gạo;
- Mua bán lương thực và thực phẩm;
- Mua bán xe gắn máy và phụ tùng;
- Sản xuất phân bón và mua bán hóa chất nông nghiệp.

3. Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 01 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam.

4. Hội đồng quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lê Tiến Thịnh	Chủ tịch	29/12/2022	-
Ông Hồ Đăng Dân	Thành viên	28/6/2022	29/6/2023
Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên	28/6/2022	-
Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên	29/12/2022	-
Ông Nguyễn Đồng Giang	Thành viên	29/12/2022	29/6/2023
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên	29/6/2023	-
Ông Nguyễn Đoàn Mạnh	Thành viên	29/6/2023	-

5. Ban kiểm soát

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lâm Trường	Trưởng ban	28/6/2022	29/6/2023
Ông Dương Thanh Bình	Thành viên	28/6/2022	29/6/2023
Ông Huỳnh Minh Phương	Thành viên	29/12/2022	29/6/2023

U-Q
IÁN
Y T
OÁ
VIỆ
P.C

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THÔNG TIN CHUNG**6. Ủy ban kiểm toán**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Võ Kim Nguyên	Chủ tịch	06/7/2023	-
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên	06/7/2023	-

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 124/BB-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2023, Công ty đã thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị thay thế hoạt động cho Ban kiểm soát được bãi nhiệm ngày 29/6/2023.

7. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Huỳnh Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	04/3/2022	-
Ông Bùi Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc	22/3/2021	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hoa	Phó Tổng Giám đốc	17/3/2023	-
Bà Nguyễn Thị Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc	31/10/2022	17/3/2023
Ông Trần Vũ Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc	23/6/2021	03/7/2023
Ông Quách Tất Liệt	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2022	03/7/2023
Bà Trần Thị Cẩm Châm	Giám đốc tài chính	13/01/2022	17/3/2023
Bà Trần Thị Cẩm Châm	Kế toán trưởng	22/6/2017	-

Người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đương nhiệm trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Huỳnh Thanh Tùng	Tổng Giám đốc

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2023 của Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Huỳnh Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 12 tháng 9 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang (“Công ty”) trình bày bản Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc vào cùng ngày, được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc


Huỳnh Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 12 tháng 9 năm 2023





Số: 16.23.23/2023/BCSX/SV – CNI

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2023 ĐẾN NGÀY 30/6/2023
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

**Kính gửi: CÁC CÔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 9 năm 2023 từ trang 6 đến trang 49 bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày 30 tháng 6 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

AS7
CHINH
NG
KIỂM
AO
ING

Kết luận soát xét của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày 30/6/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VIII.6 của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho thấy Công ty đã phát sinh khoản lỗ lũy kế tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 204.695.117.081 VND, và cũng tại ngày này nợ phải trả ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn là 676.211.075.800 VND, trong đó một phần do bao gồm khoản huy động trái phiếu chuyển từ khoản mục vay dài hạn sang khoản mục vay ngắn hạn là 350.000.000.000 VND và phân loại lại các khoản nợ trả trước cho người bán liên quan đến các khoản đầu tư để hình thành tài sản cố định trong tương lai là 179.240.016.890 VND (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn là 496.243.017.169 VND), và thanh khoản trái phiếu ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Giả định về hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng Công ty có thể thanh toán hoặc tái cấu trúc lại các khoản nợ vay và trái phiếu sắp đáo hạn, cũng như thực hiện các giải pháp khác để tạo ra dòng tiền để tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty như đã được trình bày tại Thuyết minh VIII.7. Những điều kiện này cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh VIII.6 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được một công ty kiểm toán khác soát xét và đưa ra ý kiến chấp nhận ~~toàn phần~~ đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đó vào ngày 26 tháng 8 năm 2022.



Đặng Thị Thiên Nga
Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462-2023-107-1
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt
Cần Thơ, ngày 12 tháng 9 năm 2023

Trần Phương Yến
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 3601-2021-107-1

Địa chỉ: Số 01 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30.6.2023	01.01.2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		278.682.930.718	470.601.546.241
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.1</i>	<i>12.211.849.651</i>	<i>3.951.452.553</i>
1. Tiền	111		12.211.849.651	3.951.452.553
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>40.052.057.250</i>	<i>62.340.000.000</i>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	31.652.057.250	62.505.203.375
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2	-	(38.565.203.375)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.3	8.400.000.000	38.400.000.000
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>205.202.309.159</i>	<i>353.129.099.437</i>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	118.919.960.574	71.274.227.366
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	53.086.821.813	245.196.027.442
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.6	1.700.000.000	1.700.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.7	74.973.883.712	78.387.460.569
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.8	(43.478.356.940)	(43.428.615.940)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>V.9</i>	<i>5.755.382.815</i>	<i>34.913.329.209</i>
1. Hàng tồn kho	141		5.755.382.815	34.913.329.209
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>15.461.331.843</i>	<i>16.267.665.042</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	1.337.662.996	690.942.020
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.123.668.847	15.576.723.022
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.024.480.035.512	884.291.964.763
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>190.974.266.036</i>	<i>2.532.247.406</i>
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.5	179.240.016.890	-
4. Phải thu dài hạn khác	216	V.7	11.734.249.146	2.532.247.406
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>268.413.283.611</i>	<i>274.401.327.546</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	55.144.106.321	57.610.269.608
- Nguyên giá	222		238.214.123.282	243.257.462.086
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(183.070.016.961)	(185.647.192.478)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	85.707.556.098	88.405.663.692
- Nguyên giá	225		91.045.137.627	90.792.387.627
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.337.581.529)	(2.386.723.935)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	127.561.621.192	128.385.394.246
- Nguyên giá	228		133.070.096.556	133.070.096.556
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.508.475.364)	(4.684.702.310)
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>		<i>7.500.000.000</i>	<i>-</i>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	7.500.000.000	-
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>		<i>551.901.724.657</i>	<i>600.553.596.248</i>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	662.142.694.927	677.342.694.927
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.16	56.751.148.000	56.751.148.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.17	323.950.000	19.950.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	V.18	(167.316.068.270)	(133.560.196.679)
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>5.690.761.208</i>	<i>6.804.793.563</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	5.690.761.208	6.804.793.563
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.19	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.303.162.966.230	1.354.893.511.004

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30.6.2023	01.01.2023
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.200.373.083.311	1.225.582.360.288
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>954.894.006.518</i>	<i>966.844.563.410</i>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.20	110.680.605.043	114.854.047.191
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.21	26.272.073.441	19.467.158.051
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.22	306.030.430	989.343.233
4. Phải trả người lao động	314		597.405.787	1.538.682.170
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.23	49.753.230.320	24.717.522.244
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.24	5.163.672.822	4.664.492.083
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.25	757.638.652.073	795.893.181.836
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.26	4.482.336.602	4.720.136.602
13. Quỹ bình ổn giá	323			-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>245.479.076.793</i>	<i>258.737.796.878</i>
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.24	668.200.000	668.200.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.25	243.164.178.777	256.079.898.862
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.27	1.646.698.016	1.989.698.016
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		102.789.882.919	129.311.150.716
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>V.28</i>	<i>102.789.882.919</i>	<i>129.311.150.716</i>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		120.464.000.000	120.464.000.000
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.021.000.000	5.021.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(204.695.117.081)	(178.173.849.284)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(178.173.849.284)	113.138.349.986
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(26.521.267.797)	(291.312.199.270)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.303.162.966.230	1.354.893.511.004


Cao Phước Qui
Người lập

Trần Thị Cẩm Châm
Kế toán trưởngHuỳnh Thanh Tùng
Tổng Giám Đốc

An Giang, ngày 12 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	70.268.218.379	2.111.977.668.309
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	43.560.340
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	70.268.218.379	2.111.934.107.969
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	54.622.517.249	2.015.375.737.129
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		15.645.701.130	96.558.370.840
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	39.709.593.076	38.618.602.628
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	66.027.280.868	66.695.982.645
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		48.670.322.677	24.771.187.665
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	5.305.602.186	86.980.525.763
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.837.630.319	15.112.458.555
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(25.815.219.167)	(33.611.993.495)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.370.977.598	4.695.056.078
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.077.026.228	495.367.717
13. Lợi nhuận khác	40		(706.048.630)	4.199.688.361
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(26.521.267.797)	(29.412.305.134)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.22	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.19	-	179.707.491
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(26.521.267.797)	(29.592.012.625)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Cao Phước Qui
Người lập

Trần Thị Cẩm Châu
Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 12 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(26.521.267.797)	(29.412.305.134)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	6.096.831.548	8.175.680.749
- Các khoản dự phòng	03	(4.759.590.784)	24.585.024.543
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(496.529.785)	9.338.930.227
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(22.376.880.291)	(28.608.775.026)
- Chi phí lãi vay	06	48.670.322.677	24.771.187.665
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08	612.885.568	8.849.743.024
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(39.111.915.177)	261.730.253.707
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	29.157.946.394	17.841.280.714
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế TNDN)	11	(33.466.461.038)	(30.004.681.859)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	467.311.379	(13.777.942.205)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	30.853.146.125	(62.505.203.375)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(43.884.019.904)	(22.845.377.178)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(736.841.904)	(5.732.026.679)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(372.380.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(56.107.948.557)	153.183.666.149
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(7.500.000.000)	(121.280.443.878)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.218.181.818	4.212.002.602
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(46.220.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	30.000.000.000	64.807.959.974
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(318.650.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	33.000.000.000	148.351.767.375
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.483.840.021	2.599.350.939
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	60.202.021.839	(266.179.362.988)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	154.119.516.236	1.351.011.559.738
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(200.805.380.811)	(1.404.960.933.599)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(4.952.841.045)	(1.723.738.304)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(51.638.705.620)	(55.673.112.165)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(47.544.632.338)	(168.668.809.004)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	59.756.570.261	228.425.294.646
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(88.272)	84.619
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.211.849.651	59.756.570.261

Cao Phước Qui
Người lậpTrần Thị Cẩm Chân
Kế toán trưởngHuỳnh Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 12 tháng 9 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) là một Công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5203000083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 27 ngày 04 tháng 3 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã giao dịch là “AGM” theo Quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2012.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 182.000.000.000 VND bao gồm 18.200.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

2. Hoạt động chính

- Xay xát thóc lúa;
- Đánh bóng và xuất khẩu gạo;
- Mua bán lương thực và thực phẩm;
- Mua bán xe gắn máy và phụ tùng;
- Sản xuất phân bón và mua bán hóa chất nông nghiệp.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 01 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có các công ty con sau:

TT	Công ty con	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Hoạt động chính	Trụ sở chính
1.	Công ty TNHH Lương thực Angimex	100,00	100,00	Kinh doanh lương thực	Long Xuyên, An Giang
2.	Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	100,00	100,00	Kinh doanh lương thực	Tri Tôn, An Giang
3.	Công ty TNHH Angimex Furious	70,00	70,00	Mua bán xe gắn máy và phụ tùng; và dịch vụ sửa chữa	Long Xuyên, An Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Nông nghiệp Công nghệ cao Angimex	100,00	100,00	Hoạt động dịch vụ nông nghiệp	Thoại Sơn, An Giang
5.	Công ty TNHH MTV Thu mua Lương thực Angimex (*)	100,00	100,00	Mua bán lương thực	Thoại Sơn, An Giang
6.	Công ty TNHH MTV Kỹ Nguyên Xanh (*)	100,00	100,000	Sản xuất các sản phẩm từ trấu	Cao Lãnh, Đồng Tháp
7.	Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành (Công ty con của Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex) (**)	100,00	100,00	Kinh doanh lương thực	Thoại Sơn, An Giang

(*) Thực tế, tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty chưa góp vốn vào các Công ty con này. Riêng Công ty TNHH thu mua lương thực Angimex, Công ty đã làm thủ tục giải thể, đóng mã số thuế vào ngày 29 tháng 3 năm 2023.

(**) Trong 6 tháng đầu năm 2023, Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành không có hoạt động sản xuất kinh doanh.

Vào ngày 18 tháng 01 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 207/NQ-HĐQT thông qua việc chuyển nhượng 100% vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp (Công ty con). Vào ngày 10 tháng 3 năm 2023, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng 98% vốn góp nêu trên cho Công ty TNHH Khánh Tây Đô theo Hợp đồng chuyển nhượng số 94/HĐCNPVG-CTY DASCO. Tại ngày 30/6/2023, Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp không còn là công ty con của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết sau:

TT	Công ty liên doanh, liên kết	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Hoạt động chính	Trụ sở chính
1.	Công ty TNHH Angimex – Kitoku	32,96	32,96	Xuất nhập khẩu gạo	Long Xuyên, An Giang
2.	Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang	25,00	25,00	Kinh doanh siêu thị	Long Xuyên, An Giang
3.	Công ty CP Golden Paddy	29,55	29,55	Sản xuất và kinh doanh lương thực	Châu Thành, An Giang
4.	Công ty TNHH Thương mại Louis - Angimex (&)	49,00	49,00	Kinh doanh lương thực	TP.Hồ Chí Minh

(&) Ngày 20/4/2023, Cty TNHH Thương Mại Louis Angimex được Sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM xác nhận về việc tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01/5/2023 đến 30/4/2024, lý do tạm ngừng: Kinh doanh không hiệu quả.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi nhánh trực thuộc Công ty

- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đặt tại tầng 4, số 353 – 355 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoạt động của Chi nhánh: kinh doanh lương thực.

5. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 88 nhân viên.
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 117 nhân viên.

6. Thông tin so sánh

Các số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 30/6/2023 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 (“sau đây gọi chung là Báo cáo tài chính riêng”).

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng: không có.

AA5
CHI
ÔNG
KIỂM
SAC
ANG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

2. Mục đích lập Báo cáo tài chính riêng

Công ty lập Báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các Công ty con là những Công ty mà Nhóm Công ty kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và nợ phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn;
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ;
- Dự phòng phải trả dài hạn

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc Hội ban hành ngày 20/11/2015 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm các quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này nên Ban Tổng Giám đốc đang xem xét và áp dụng đối với tài sản và nợ phải trả theo nguyên tắc giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ kế toán. Giá vốn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

517
HIN
NG
IEM
AO
ING

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

7. Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị, cá nhân độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên phù hợp với tỷ lệ quy định tại Thông tư số 48/2019/TT – BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài Chính.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào mức tổn thất dự kiến để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

3-02
ÁNH
Y TN
TOÁN
VIỆ
TP.C

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phương pháp tính giá xuất kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của từng mặt hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại thời điểm 30/6/2023, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng các tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15 năm

10. Thuê tài sản

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu vào cuối thời hạn thuê và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. TSCĐ thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên, nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan đến đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của Luật đất đai 2003 (tức là ngày 01 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Chương trình phần mềm kế toán

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm kế toán không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

13. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tối đa không quá 3 năm.

Các chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

14. Nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, chi phí lãi vay, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4577
CHÍNH
SÁCH
KIỂM
SAO
AN
GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, tổ chức tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

16. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

17. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chỉ trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán riêng này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

0-00
IÁNH
Y TN
IỎÁN
VIỆ
TP.C

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

19. **Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua.

Lợi nhuận sau thuế TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Công ty trích lập các quỹ sau:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư chiều sâu và mở rộng sản xuất kinh doanh để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích, nâng cao phúc lợi cho nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

20. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập lãi

Tiền lãi ngân hàng được ghi nhận theo nguyên tắc dự thu dựa trên thời gian và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Thu nhập lãi khác được ghi nhận khi được hưởng.

Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

21. Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của Bảng cân đối kế toán riêng nhưng trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

22. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

23. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ mua bán chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính.

24. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

26. Chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

27. Bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh, liên kết là các bên liên quan. Các bên liên doanh, liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên doanh, liên kết này hoặc những công ty liên doanh, liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

28. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền mặt và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2023	01/01/2023
Tiền mặt	6.197.214	41.889.070
Tiền gửi ngân hàng	12.205.652.437	3.909.563.483
Cộng	12.211.849.651	3.951.452.553

2. Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
- Cty CP Tư vấn thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	-	-	-	62.505.203.375	23.940.000.000	(38.565.203.375)
- Cty Cổ phần Khang Minh Group	31.652.057.250	45.240.000.000	-	-	-	-
Cộng	31.652.057.250	45.240.000.000	-	62.505.203.375	23.940.000.000	(38.565.203.375)

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	8.400.000.000	8.400.000.000	38.400.000.000	38.400.000.000
Cộng	8.400.000.000	8.400.000.000	38.400.000.000	38.400.000.000

(*) Số dư thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng với lãi suất từ 5,1%/năm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, số dư khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.25)

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2023		01/01/2023	
	30/06/2023	Dự phòng	01/01/2023	Dự phòng
Bên liên quan	8.740.139.730	-	-	-
Bên thứ ba	110.179.820.844	(17.877.461.340)	71.274.227.366	(17.877.461.340)
- Công ty TNHH Hateco Group	24.100.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ Phần Golden Paddy SG	23.054.500.000	(16.138.150.000)	23.054.500.000	(16.138.150.000)
- Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Đông Nam Bộ	21.174.500.000	-	21.174.500.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Dũng Kỳ	19.924.000.000	-	19.924.000.000	-
- Công ty TNHH Khánh Tây Đô	17.000.000.000	-	-	-
- Khách hàng khác	4.926.820.844	(1.739.311.340)	7.121.227.366	(1.739.311.340)
Cộng	118.919.960.574	(17.877.461.340)	71.274.227.366	(17.877.461.340)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 24.797.203.240 VND và 24.797.403.240 VND như đã trình bày tại Thuyết minh V.8.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng của Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.25)

5. Trả trước cho người bán**5.1. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/6/2023		01/01/2023	
	30/6/2023	Dự phòng	01/01/2023	Dự phòng
Bên liên quan	470.000.000	-	-	-
Bên thứ ba	52.616.821.813	(25.318.573.000)	245.196.027.442	(25.318.573.000)
Huỳnh Thị Thúy Vy (*)	-	-	179.240.016.890	-
Công ty TNHH Tân Kỳ	-	-	8.100.000.000	-
Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	36.169.390.000	(25.318.573.000)	36.169.390.000	(25.318.573.000)
Các nhà cung cấp khác	16.447.431.813	-	21.686.620.552	-
Cộng	53.086.821.813	(25.318.573.000)	245.196.027.442	(25.318.573.000)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn đã quá hạn thanh toán lần lượt là 36.169.390.000 VND và 36.169.390.000 VND như đã trình bày tại Thuyết minh V.8.

5.2. Trả trước cho người bán dài hạn

	30/6/2023		01/01/2023	
	30/6/2023	Dự phòng	01/01/2023	Dự phòng
Bên liên quan	-	-	-	-
Bên thứ ba	179.240.016.890	-	-	-
Huỳnh Thị Thúy Vy (*)	179.240.016.890	-	-	-
Cộng	179.240.016.890	-	-	-

(*) Công ty đã ký Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng khác với Bà Huỳnh Thị Thúy Vy đối với 6 quyền sử dụng đất theo Hợp đồng số 01/2021/HĐĐC ký ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Phụ lục hợp đồng số 01/2021/HĐĐC/PL01 ký ngày 21 tháng 7 năm 2022.

Nhà máy Hoàng Long tại Đồng Tháp đặt tại Ấp An Ninh, xã Định An, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp đều liên quan đến 6 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên và đang được Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex quản lý. Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để sang tên cho Nhóm Công ty theo Công văn số 531/STNMT-QLĐĐ ngày 14/02/2023 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đồng Tháp.

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2023		01/01/2023	
	30/6/2023	Dự phòng	01/01/2023	Dự phòng
Bên liên quan	-	-	-	-
Bên thứ ba	1.700.000.000	-	1.700.000.000	-
Công ty TNHH SXTM Lê Phúc Khang	1.700.000.000	-	1.700.000.000	-
Cộng	1.700.000.000	-	1.700.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Số dư thể hiện các khoản cho vay có thời hạn dưới 12 tháng, với lãi suất 8%/năm và không có tài sản đảm bảo.

7. Phải thu khác**7.1. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2023		01/01/2023	
	30/06/2023	Dự phòng	01/01/2023	Dự phòng
Bên liên quan	69.301.472.100	-	69.887.110.600	-
Bên thứ ba	5.672.411.612	(282.322.600)	8.500.349.969	(232.581.600)
- Tạm ứng hợp đồng đi thuê tài chính	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
- Thuế GTGT được khấu trừ của tài sản thuê tài chính chờ ghi nhận	1.278.617.434	-	1.427.293.879	-
- Lãi tiền gửi	347.414.794	-	719.852.054	-
- Tạm ứng	1.849.706.093	-	4.483.530.745	-
- Phải thu ngắn hạn khác	696.673.291	(282.322.600)	369.673.291	(232.581.600)
Cộng	74.973.883.712	(282.322.600)	78.387.460.569	(232.581.600)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán lần lượt là 318.288.000 VND và 318.288.000 VND như đã trình bày tại Thuyết minh V.8.

7.2. Phải thu dài hạn khác

	30/06/2023		01/01/2023	
	30/06/2023	Dự phòng	01/01/2023	Dự phòng
Bên liên quan	-	-	-	-
Bên thứ ba	11.734.249.146	-	2.532.247.406	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	11.734.249.146	-	2.532.247.406	-
Cộng	11.734.249.146	-	2.532.247.406	-

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 30/6/2023 như sau:

Khoản mục	Thời gian quá hạn	Nợ khó đòi	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	Từ 1 đến 3 năm	24.797.403.240	(17.877.461.340)	6.919.941.900
Trả trước cho người bán ngắn	Từ 1 đến 2 năm	36.169.390.000	(25.318.573.000)	10.850.817.000
Phải thu ngắn hạn khác	Từ 1 đến 3 năm	318.288.000	(282.322.600)	35.965.400
Cộng		61.285.081.240	(43.478.356.940)	17.806.724.300

Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2022 như sau:

Khoản mục	Thời gian quá hạn	Nợ khó đòi	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	Từ 1 đến 3 năm	24.797.403.240	(17.877.461.340)	6.919.941.900
Trả trước cho người bán ngắn	Dưới 1 năm	36.169.390.000	(25.318.573.000)	10.850.817.000
Phải thu ngắn hạn khác	Từ 1 đến 3 năm	318.288.000	(232.581.600)	85.706.400
Cộng		61.285.081.240	(43.428.615.940)	17.856.465.300

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(43.428.615.940)	(1.901.625.618)
Trích lập dự phòng bổ sung	(49.741.000)	(41.526.990.322)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(43.478.356.940)	(43.428.615.940)

9. Hàng tồn kho

	<u>30/6/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	500.746.050	-	510.712.756	-
Công cụ dụng cụ	5.044.535.439	-	7.870.654.277	-
Sản phẩm dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	135.305.124	-	8.603.876.431	-
Hàng hóa	74.796.202	-	17.928.085.745	-
Cộng	5.755.382.815	-	34.913.329.209	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, một phần hàng tồn kho của Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.25)

10. Chi phí trả trước**10.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>30/6/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	43.667.098	54.472.539
Khác	1.293.995.898	636.469.481
Cộng	1.337.662.996	690.942.020

10.2. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>30/6/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Chi phí san lấp mặt bằng	2.900.856.398	2.945.263.256
Công cụ và dụng cụ	86.198.396	153.963.677
Khác	2.703.706.414	3.705.566.630
Cộng	5.690.761.208	6.804.793.563

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	102.130.699.653	119.329.980.012	10.569.953.398	11.226.829.023	243.257.462.086
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Đầu tư XD/CB hoàn Thành	-	-	-	-	-
Góp vốn	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.043.338.804)	-	(5.043.338.804)
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	102.130.699.653	119.329.980.012	5.526.614.594	11.226.829.023	238.214.123.282
Hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	74.802.112.781	94.759.557.124	10.001.693.184	6.083.829.389	185.647.192.478
Khấu hao trong kỳ	783.083.475	1.121.013.421	154.018.516	264.085.488	2.322.200.900
Góp vốn	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.899.376.417)	-	(4.899.376.417)
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	75.585.196.256	95.880.570.545	5.256.335.283	6.347.914.877	183.070.016.961
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	27.328.586.872	24.570.422.888	568.260.214	5.142.999.634	57.610.269.608
Số cuối kỳ	26.545.503.397	23.449.409.467	270.279.311	4.878.914.146	55.144.106.321

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 122.669.710.960 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 126.444.100.305 VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, một phần máy móc thiết bị của Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.25)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Tài sản cố định thuê tài chính

	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá		
Số đầu năm	90.792.387.627	90.792.387.627
Thuê tài chính trong kỳ	252.750.000	252.750.000
Số cuối kỳ	91.045.137.627	91.045.137.627
Hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	2.386.723.935	2.386.723.935
Khấu hao trong kỳ	2.950.857.594	2.950.857.594
Số cuối kỳ	5.337.581.529	5.337.581.529
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	88.405.663.692	88.405.663.692
Số cuối kỳ	85.707.556.098	85.707.556.098

Số dư thể hiện máy móc thiết bị thuê tài chính được thuê từ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Hợp đồng cho thuê có thời hạn là 60 tháng với lãi suất thay đổi theo từng giai đoạn. Công ty được quyền mua lại tài sản thuê tài chính này sau khi hợp đồng cho thuê kết thúc với giá bán lại được thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê.

13. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	132.112.598.556	957.498.000	133.070.096.556
Mua trong kỳ	-	-	-
Góp vốn	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	132.112.598.556	957.498.000	133.070.096.556
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	4.070.179.227	614.523.083	4.684.702.310
Khấu hao trong kỳ	792.421.776	31.351.278	823.773.054
Góp vốn	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	4.862.601.003	645.874.361	5.508.475.364
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	128.042.419.329	342.974.917	128.385.394.246
Số cuối kỳ	127.249.997.553	311.623.639	127.561.621.192

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 261.375.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 261.375.000 VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, một phần quyền sử dụng đất của Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và trái phiếu (Thuyết minh V.25).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2023	01/01/2023
- Công trình Nhà máy Đa Phước – hạng mục: Cầu tàu, sân nền	7.500.000.000	-
Cộng	7.500.000.000	-

15. Đầu tư vào Công ty con

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Dịch vụ Phát Triển Nông Nghiệp Đồng Tháp – DASCO (*)	-	-	15.200.000.000	-
Công ty TNHH Lương thực Angimex	80.000.000.000	(33.980.618.892)	80.000.000.000	(20.752.093.304)
Công ty TNHH Angimex Furious	84.750.000.000	-	84.750.000.000	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	491.992.694.927	(108.873.405.626)	491.992.694.927	(93.161.560.826)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao Angimex	5.400.000.000	(1.746.100.737)	5.400.000.000	(1.100.088.883)
Cộng	662.142.694.927	(144.600.125.255)	677.342.694.927	(115.013.743.013)

(*) Ngày 10/3/2023, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng 98% vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển NN Đồng Tháp theo hợp đồng số 94/HĐCNPVG-CTY DASCO, ký ngày 10/3/2023 và thực tế đã chuyển nhượng trong tháng 5 năm 2023 và ghi nhận khoản lãi từ hoạt động đầu tư này vào doanh thu tài chính số tiền là 35.104.000.000 VND.

Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết của Công ty tại các Công ty con

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Tỷ lệ (%)	Giá gốc	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Dịch vụ Phát Triển Nông Nghiệp Đồng Tháp - DASCO	-	-	15.200.000.000	100%
Công ty TNHH Lương thực Angimex	80.000.000.000	100%	80.000.000.000	100%
Công ty TNHH Angimex Furious	84.750.000.000	70%	84.750.000.000	70%
Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex	491.992.694.927	100%	491.992.694.927	100%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao Angimex	5.400.000.000	100%	5.400.000.000	100%
Cộng	662.142.694.927	-	677.342.694.927	-

16. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cty TNHH Angimex - Kitoku	2.951.148.000	-	2.951.148.000	-
Cty TNHH TM Sài Gòn - An Giang	11.500.000.000	-	11.500.000.000	-
Cty CP Golden Paddy	32.500.000.000	(22.227.454.362)	32.500.000.000	(18.106.962.243)
Cty TNHH Angimex Furious	-	-	-	-
Cty TNHH Thương Mại Louis Angimex (*)	9.800.000.000	(468.538.653)	9.800.000.000	(419.541.423)
Cộng	56.751.148.000	(22.695.993.015)	56.751.148.000	(18.526.503.666)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Ngày 20/4/2023, Cty TNHH Thương Mại Louis Angimex được Sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM xác nhận về việc tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01/5/2023 đến 30/4/2024, lý do tạm ngừng: Kinh doanh không hiệu quả.

Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết của Công ty tại các Công ty liên doanh, liên kết

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Tỷ lệ (%)	Giá gốc	Tỷ lệ (%)
Cty TNHH Angimex - Kitoku	2.951.148.000	32,96%	2.951.148.000	32,96%
Cty TNHH TM Sài Gòn - An Giang	11.500.000.000	25,00%	11.500.000.000	25,00%
Cty CP Golden Paddy	32.500.000.000	29,55%	32.500.000.000	29,55%
Cty TNHH Angimex Furious	-	-	-	-
Cty TNHH Thương Mại Louis Angimex	9.800.000.000	49,00%	9.800.000.000	49,00%
Cộng	56.751.148.000	-	56.751.148.000	-

17. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP DAP Vinachem	-	-	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Phát Triển Nông Nghiệp Đồng Tháp - DASCO	304.000.000	-	-	-
HTX Nông nghiệp Tân Mỹ Hưng	19.950.000	(19.950.000)	19.950.000	(19.950.000)
Cộng	323.950.000	(19.950.000)	19.950.000	(19.950.000)

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2023	01/01/2023
- Đầu tư vào Công ty con	(144.600.125.255)	(115.013.743.013)
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	(22.695.993.015)	(18.526.503.666)
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(19.950.000)	(19.950.000)
Cộng	(167.316.068.270)	(133.560.196.679)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	(133.560.196.679)	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(33.755.871.591)	(133.540.246.679)
Điều chỉnh cho năm trước	-	(19.950.000)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(167.316.068.270)	(133.560.196.679)

19. Tài sản thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Tại thời điểm 30/6/2023, tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản chênh lệch tạm thời như lãi vay trong giao dịch liên kết không được trừ trong năm nay, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính theo kế toán ... vì Công ty ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

20. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2023	01/01/2023
Bên liên quan	105.920.300.030	108.834.655.205
Bên thứ ba	4.760.305.013	6.019.391.986
- Cty TNHH MTV Kho Vận Wings Global	782.832.255	782.832.255
- Cty TNHH vận chuyển Thuận Phong	-	186.604.920
- Cty CP Tiếp vận Phước Tạo	-	117.080.856
- Khác	3.977.472.758	4.932.873.955
Cộng	110.680.605.043	114.854.047.191

21. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2023	01/01/2023
Bên liên quan	1.516.727.425	8.930.880.721
Bên thứ ba	24.755.346.016	10.536.277.330
- Isaj Sea Transport Corporation	997.200.854	6.878.690.854
- Công ty Cổ phần APG Capital	17.700.000.000	-
- Khác	6.058.145.162	3.657.586.476
Cộng	26.272.073.441	19.467.158.051

22. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
- Thuế TNDN	-	736.841.904	-	(736.841.904)	-	-
- Thuế TNCN	-	252.501.329	791.957.899	(738.428.798)	-	306.030.430
- Thuế nhà đất	-	-	22.232.837	(22.232.837)	-	-
- Thuế khác	-	-	2.515.250.343	(2.515.250.343)	-	-
Cộng	-	989.343.233	3.329.441.079	(4.012.753.882)	-	306.030.430

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế. Do vậy, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2023 có thể sẽ thay đổi khi có quyết toán của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thế hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi phí thuế Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính như sau:

	Kỳ này	Năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(26.521.267.797)	(289.657.912.511)
- Các khoản điều chỉnh tăng	39.999.651.466	96.906.123.454
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.221.338.094)	(1.594.002.231)
Thu nhập chịu thuế	10.257.045.575	(194.345.791.288)
Lỗ được chuyển lỗ	-	(198.030.000.807)
Chuyển lỗ	(10.257.045.575)	
Thu nhập tính thuế	-	3.684.209.519
Trong đó,		
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
Hoạt động kinh doanh lương thực	15%	15%
Hoạt động khác (kể cả bất động sản)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	736.841.904
Tổng thuế TNDN phải nộp	-	736.841.904

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

23. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2023	01/01/2023
Chi phí lãi vay phải trả	47.319.450.782	22.091.324.025
Thù lao Hội đồng quản trị	1.522.074.195	1.696.000.000
Khác	911.705.343	930.198.219
Cộng	49.753.230.320	24.717.522.244

24. Phải trả khác**24.1. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2023	01/01/2023
- Kinh phí công đoàn	1.654.164.893	1.561.084.893
- Phải trả về cổ phần hóa	2.417.578.793	2.417.578.793
- Các khoản phải trả khác	1.091.929.136	685.828.397
Cộng	5.163.672.822	4.664.492.083

24.2. Phải trả dài hạn khác

	30/6/2023	01/01/2023
Bên thứ ba		
- Nhận tiền ký quỹ	668.200.000	668.200.000
Cộng	668.200.000	668.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

25. Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn

	30/6/2023	01/01/2023
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	757.638.652.073	795.893.181.836
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	243.164.178.777	256.079.898.862
Cộng	1.000.802.830.850	1.051.973.080.698

25.1. Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/6/2023	01/01/2023
Bên liên quan	-	1.900.000.000
Công ty TNHH Angimex Furious (VND) (25.1.8)	-	1.900.000.000
Bên thứ ba	393.832.931.971	439.052.840.776
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - CN An Giang (VND) (25.1.1)	2.372.901.164	2.863.547.692
Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Bắc An Giang (VND) (25.1.2)	47.380.000.000	23.530.000.000
Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Bắc An Giang (USD) (25.1.2)	252.487.200.000	290.046.510.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN An Giang (VND) (25.1.3)	6.976.300.000	6.976.300.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - CN An Giang (VND)	-	390.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - CN An Giang (USD)	-	27.440.967.300
Ngân hàng TMCP An Bình - CN TP Hồ Chí Minh (VND) (25.1.4)	77.995.000.000	-
Ngân hàng TMCP An Bình - CN TP Hồ Chí Minh (USD)	-	78.207.870.000
Vay cá nhân – Trần Thị Thùy Dương (VND) (25.1.5)	2.079.319.000	2.079.319.000
Vay cán bộ công nhân viên (VND) (25.1.6)	4.542.211.807	7.518.326.784
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả	363.805.720.102	354.940.341.060
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam – CN TP Hồ Chí Minh (VND)	14.197.386.765	5.919.507.725
Trái phiếu AGMH2123001 – Nợ gốc (25.1.7)	350.000.000.000	350.000.000.000
Trái phiếu AGMH2123001 – Phí	(391.666.663)	(979.166.665)
Cộng	757.638.652.073	795.893.181.836

25.1.1. Khoản vay ngắn hạn theo hình thức thẻ tín dụng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, không có tài sản thế chấp.

25.1.2. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022/548402/HĐTD, có kỳ hạn từ 4 tháng đến 165 ngày với lãi suất từ 5,0%/năm đến 9,5%/năm theo khế ước nhận nợ. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Công ty (Thuyết minh V.3, Thuyết minh V.11 và Thuyết minh V.13)

24.1.3. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 469/2021/HĐTD/AGG/01, có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 11,5%/năm theo khế ước nhận nợ. Khoản vay nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động, có tài sản thế chấp là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty (Thuyết minh V.4 và Thuyết minh V.9).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- 24.1.4. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 3126/22/TD/I, có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 11,4%/năm theo khế ước nhận nợ. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của Công ty (Thuyết minh V.13).
- 24.1.5. Khoản vay ngắn hạn với cá nhân theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/2022 và phụ lục Hợp đồng số đến số 01/HĐTD/2022/PL01 có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất 15%/năm. Đây là khoản vay tín chấp và nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.
- 24.1.6. Khoản vay ngắn hạn với các cán bộ công nhân viên Công ty theo Thông báo số 489//TB-XNK có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 2%/năm đến 12%/năm. Đây là khoản vay tín chấp và nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.
- 24.1.7. Trái phiếu được phát hành trên cơ sở Nghị quyết số 69/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 11 năm 2021, Nghị quyết số 101/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 102/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu AGMH2123001 sẽ được sử dụng để mua nhà máy gạo tại Đồng Tháp để mở rộng hoạt động sản xuất chế biến gạo. Ngày đáo hạn là ngày 09 tháng 11 năm 2023. Theo Biên bản Hội nghị sở hữu trái phiếu AGMH2123001 tổ chức ngày 03/02/2023, trái chủ đồng ý phát mãi tài sản đảm bảo để thanh toán cả gốc và lãi cho trái chủ.

Chi tiết số phát sinh khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	795.893.181.836	837.816.047.196
Số tiền vay phát sinh	154.119.516.236	2.007.455.544.199
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá	(434.044.230)	3.139.482.062
Vay dài hạn đến hạn trả chuyển sang	13.230.720.085	354.940.341.060
Số tiền vay đã trả	(205.758.221.856)	(2.407.458.232.681)
Khác	587.500.002	-
Số cuối kỳ	757.638.652.073	795.893.181.836

24.2. Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2023	01/01/2023
Nợ thuê tài chính	33.320.678.775	46.551.398.860
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN TP.HCM	33.320.678.775	46.551.398.860
Vay trái phiếu	209.843.500.002	209.528.500.002
Trái phiếu AGMH2223001 – Nợ gốc (25.2.1)	210.001.000.000	210.001.000.000
Trái phiếu AGMH2223001 – Phí	(157.499.998)	(472.499.998)
Cộng	243.164.178.777	256.079.898.862

- 25.2.1. Trái phiếu được phát hành trên cơ sở Nghị quyết số 132/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng quản trị. Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu AGMH2223001 sẽ được sử dụng để đầu tư, góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chế Biến Lương Thực Angimex (Công ty con, tổ chức phát hành sở hữu 100% vốn) nhằm bổ sung vốn lưu động, mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao năng lực sản xuất, chế biến lúa gạo. Theo nghị quyết người sở hữu trái phiếu số 01/NQ-NSHTP ngày 04/7/2023, đã thông qua việc gia hạn trái phiếu AGMH2223001 đến ngày 14/9/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết số phát sinh khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	256.079.898.862	340.799.833.333
Số tiền vay phát sinh	-	410.346.619.866
Số tiền vay đã trả	-	(140.126.213.277)
Vay dài hạn đến hạn trả chuyển sang ngắn hạn	(13.230.720.085)	(354.940.341.060)
Khác	315.000.000	
Số cuối kỳ	<u>243.164.178.777</u>	<u>256.079.898.862</u>
26. Quỹ khen thưởng phúc lợi		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.720.136.602	4.453.016.602
Trích quỹ trong kỳ	-	1.000.000.000
Thu quỹ phòng chống thiên tai	-	9.963.374
Sử dụng quỹ	(237.800.000)	(742.843.374)
Số cuối kỳ	<u>4.482.336.602</u>	<u>4.720.136.602</u>
27. Dự phòng phải trả dài hạn		
	<u>30/6/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên	1.646.698.016	1.989.698.016
Cộng	<u>1.646.698.016</u>	<u>1.989.698.016</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

28. **Vốn chủ sở hữu**

28.1. **Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ khác của chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư tại 01/01/2022	182.000.000.000	120.464.000.000	5.021.000.000	114.138.349.986	421.623.349.986
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(291.312.199.270)	(291.312.199.270)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư tại 31/12/2022	182.000.000.000	120.464.000.000	5.021.000.000	(178.173.849.284)	129.311.150.716
	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ khác của chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư tại 01/01/2023	182.000.000.000	120.464.000.000	5.021.000.000	(178.173.849.284)	129.311.150.716
Lợi nhuận trong kỳ này (*)	-	-	-	(26.521.267.797)	(26.521.267.797)
Số dư tại 30/6/2023	182.000.000.000	120.464.000.000	5.021.000.000	(204.695.117.081)	102.789.882.919

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 254/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thống nhất không thực hiện phân phối lợi nhuận cho năm 2022 do kinh doanh của Công ty không có lợi nhuận; đồng thời không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020, 2021 mà Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 và 2022 đã thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Chi tiết lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30/6/2023 như sau:

	30/6/2023
Lợi nhuận sau thuế các năm trước chưa chia	116.762.274.977
Cổ tức được chia và các khoản không chịu thuế 6 tháng năm 2023	3.221.338.094
Lỗ được phép chuyển lỗ đến 2027	(187.772.955.232)
Lỗ không được phép chuyển lỗ	(136.905.774.920)
Cộng	(204.695.117.081)

Vốn góp của các cổ đông như sau:

	30/06/2023		01/01/2023	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Các cổ đông khác	100%	182.000.000.000	100%	182.000.000.000
Cộng	100%	182.000.000.000	100%	182.000.000.000

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có

Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

28.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Năm 2022
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	182.000.000.000	182.000.000.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

28.3. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: không có
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

28.4. Cổ phiếu

	Kỳ này	Năm 2022
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	18.200.000	18.200.000
- Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	18.200.000	18.200.000
▪ Cổ phiếu thường	18.200.000	18.200.000
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ Cổ phiếu thường	-	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
▪ Cổ phiếu thường	18.200.000	18.200.000
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu

29. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**29.1. Ngoại tệ các loại**

	30/6/2023	01/01/2023
Dollar Mỹ (USD)	6.352,17	8.768,92

29.2. Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh VIII.4

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng nông sản	48.206.434.999	2.097.502.911.149
Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng	-	-
Doanh thu khác	22.061.783.380	14.474.757.160
Cộng	70.268.218.379	2.111.977.668.309
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	-	(43.560.340)
Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	-	(43.560.340)
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần bán hàng nông sản	48.206.434.999	2.097.459.350.809
Doanh thu thuần bán xe gắn máy và phụ tùng	-	-
Doanh thu thuần khác	22.061.783.380	14.474.757.160
Cộng	70.268.218.379	2.111.934.107.969

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Trong đó,

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Công ty con	25.206.661.215	299.021.048.835
- Công ty liên doanh, liên kết	769.954.680	1.938.479.400
Cộng	25.976.615.895	300.959.528.235
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giá vốn hàng nông sản	54.622.517.249	2.016.317.927.462
- Hoàn nhập dự phòng	-	(3.227.040.854)
- Khác	-	2.284.850.521
Cộng	54.622.517.249	2.015.375.737.129
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	713.296.422	1.246.128.446
Lợi nhuận được chia	2.770.543.599	1.088.026.603
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.121.753.055	14.162.281.130
Lãi thuần từ việc chuyển nhượng công ty con	35.104.000.000	-
Lãi đầu tư hoạt động tài chính khác	-	22.122.166.449
Cộng	39.709.593.076	38.618.602.628
4. Chi phí tài chính		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi tiền vay	48.670.322.677	24.771.187.665
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	252.723.417	4.753.865.834
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	496.529.785	9.338.930.227
Chi phí đầu tư tài chính	20.835.548.818	27.765.203.375
Dự phòng giảm giá đầu tư	33.534.859.544	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(38.565.203.375)	-
Chi phí do các hoạt động tài chính khác	802.500.002	66.795.544
Cộng	66.027.280.868	66.695.982.645
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên	2.401.057.600	2.080.721.500
Chi phí vật liệu, bao bì	1.860.964.035	33.164.487.479
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.912.515	25.949.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	820.291.856	49.598.571.643
Chi phí bằng tiền khác	221.376.180	2.136.745.141
Cộng	5.305.602.186	86.980.525.763

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc với các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.431.400.006	7.052.214.818
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.117.361.140	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	990.477.032	798.329.952
Thuế, phí và lệ phí	271.123.103	-
Chi phí dự phòng	49.741.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	988.120.515	3.475.756.780
Chi phí bằng tiền khác	989.407.523	3.786.157.005
Cộng	9.837.630.319	15.112.458.555

7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập nhượng bán, thanh lý TSCĐ	1.074.219.431	4.212.002.602
- Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ	1.218.181.818	4.212.002.602
- Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	(143.962.387)	-
Thu nhập khác	296.758.167	483.053.476
Cộng	1.370.977.598	4.695.056.078

8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí khác	2.077.026.228	495.367.717
Cộng	2.077.026.228	495.367.717

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên vật liệu	1.645.786.998	685.787.160.094
- Chi phí nhân công	6.650.170.111	9.971.526.573
- Chi phí khấu hao TSCĐ	6.096.831.548	8.175.680.749
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.501.590.798	53.706.725.810
- Chi phí khác bằng tiền	4.905.346.033	8.303.952.131
Cộng	21.799.725.488	765.945.045.357

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	Kỳ này	Kỳ trước
Góp vốn bằng tài sản cố định và công cụ dụng cụ	-	191.992.694.927

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Công nợ tiềm tàng

Chi phí hoàn nguyên liên quan đến đất thuê

Công ty có các hợp đồng thuê đất và đã thực hiện đầy đủ việc xây dựng công trình và hạ tầng trên các lô đất thuê này. Đa số các hợp đồng không có quy định rõ ràng về nghĩa vụ cần hoàn nguyên khu đất thuê. Ban Tổng Giám đốc đánh giá là Công ty có thể có các nghĩa vụ trong tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Công ty ra khỏi khu đất và phục hồi khu đất về tình trạng ban đầu tại cuối thời hạn thuê đất, và nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai, ví dụ như các trao đổi bổ sung với bên cho thuê đất hay khi cơ quan chức năng ban hành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không nêu rõ điều khoản hoàn nguyên. Do đó, Công ty không ghi nhận khoản dự phòng chi phí hoàn nguyên vào Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt cũng như không phát sinh các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thù lao thành viên Hội đồng Chức danh quản trị	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày		
	30/6/2023	30/6/2022	
Lê Huỳnh Gia Hoàng	Chủ tịch	-	67.000.000
Nghiêm Hải Anh	Chủ tịch	200.000.000	-
Nguyễn Minh Tân	Thành viên	-	10.000.000
Cao Thị Phi Hoàng	Thành viên	-	10.000.000
Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên	-	10.000.000
Đỗ Thành Nhân	Thành viên	-	335.000.000
Đặng Doãn Kiên	Thành viên	-	50.000.000
Trịnh Văn Bảo	Thành viên	-	50.000.000
Nguyễn Lê Văn	Thành viên	-	50.000.000
Lê Văn Huy	Ủy viên/Thành viên	-	60.000.000
Tổng thu nhập		200.000.000	642.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và nhân sự quản lý khác	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày		
	30/6/2023	30/6/2022	
Huỳnh Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	509.100.000	615.864.634
Võ Thanh Bào	Tổng Giám đốc	-	253.226.800
Trần Vũ Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc	295.500.000	413.218.755
Quách Tất Liệt	Phó Tổng Giám đốc	258.300.000	368.734.444
Nguyễn Thị Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc	150.000.000	-
Vũ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	-	233.241.486
Ngô Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc	-	58.350.900
Trần Thị Cẩm Châm	Kế toán trưởng	223.900.000	330.247.177
Tổng thu nhập		1.436.800.000	2.272.884.196

Thù lao của Ban kiểm soát	Chức danh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30/6/2023	30/6/2022
Hồ Đăng Dân	Trưởng ban	-	40.000.000
Nguyễn Ái	Trưởng ban	-	8.000.000
Tạ Thị Hồng Thắm	Thành viên	-	5.000.000
Phạm Ngọc Hiếu	Thành viên	-	5.000.000
Hồ Lê Hoàng Anh	Thành viên	-	25.000.000
Nguyễn Bá Ngọc	Thành viên	-	25.000.000
Tổng thu nhập		-	108.000.000

0-001-
HÀNH
Y TÍNH
TOÁN
VIỆ
G-TP.5

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:*

Bên liên quan khác	Quan hệ
- Công ty TNHH Dịch vụ Phát Triển Nông Nghiệp Đồng Tháp (*)	Công ty con
- Công ty TNHH Lương thực Angimex	Công ty con
- Công ty TNHH Angimex Furious	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao Angimex	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành (**)	Công ty con (cấp 2)
- Công ty TNHH Angimex - Kitoku	Công ty liên doanh
- Công ty TNHH TM Sài Gòn - An Giang	Công ty liên kết
- Công ty CP Golden Paddy	Công ty liên kết
- Công ty TNHH Thương Mại Louis Angimex	Công ty liên kết
- Công ty CP Louis Capital (***)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn

(*) Tháng 5 năm 2023, Công ty đã chuyển nhượng 98% vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển NN Đồng Tháp theo hợp đồng: 94/HĐCNPVG-CTY DASCO, ký ngày 10/3/2023.

(**) Trở thành công ty con vào ngày 19/12/2022.

(***) Không còn là các bên liên quan tại thời điểm 31/12/2022 do Louis Holding đã thoát vốn trong khoảng thời gian từ ngày 29/7/2022 đến ngày 26/8/2022.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty liên doanh, liên kết	769.954.680	1.938.479.400
Công ty con	25.206.661.215	299.021.048.835
Cộng	25.976.615.895	300.959.528.235
Mua hàng hóa và dịch vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty con	16.004.719.000	497.830.905.730
Công ty liên doanh, liên kết	87.754.550	65.880.311.050
Công ty thành viên thuộc tập đoàn	-	24.316.857.500
Cộng	16.092.473.550	588.028.074.280
Lợi nhuận được chia	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty liên doanh, liên kết	2.770.543.599	1.088.026.603
Cộng	-	2.234.076.432

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cho vay	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty con	-	14.520.000.000
Cộng	-	14.520.000.000
Thu hồi cho vay	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty liên doanh, liên kết	-	12.800.000.000
Công ty con	-	1.507.959.974
Cộng	-	14.307.959.974
Lãi cho vay	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty con	-	254.527.976
Cộng	-	939.015.131
Đi vay	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty con	-	43.600.000.000
Công ty thành viên thuộc tập đoàn	-	2.500.000.000
Cộng	-	46.100.000.000
Trả nợ vay	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty con	1.900.000.000	43.600.000.000
Cộng	1.900.000.000	43.600.000.000
Trả lãi vay	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty con	-	244.926.027
Cộng	-	244.926.027
Số dư với các bên liên quan khác		
Phải thu ngắn hạn khách hàng	30/6/2023	01/01/2023
Công ty con	8.740.139.730	-
Cộng	8.740.139.730	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	30/6/2023	01/01/2023
Công ty con	470.000.000	-
Cộng	470.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	30/6/2023	01/01/2023
Công ty con	69.301.472.100	69.887.110.600
Cộng	69.301.472.100	69.887.110.600
Phải trả người bán ngắn hạn	30/6/2023	01/01/2023
Công ty con	105.920.300.030	108.834.655.205
Cộng	105.920.300.030	108.834.655.205
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	30/6/2023	01/01/2023
Công ty con	1.516.727.425	8.930.880.721
Cộng	1.516.727.425	8.930.880.721

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phải trả ngắn hạn khác	30/6/2023	01/01/2023
Công ty con	-	68.856.164
Cộng	-	68.856.164
Vay ngắn hạn	30/6/2023	01/01/2023
Công ty con	-	1.900.000.000
Cộng	-	1.900.000.000

3. Thông tin về bộ phận

Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp và khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty kinh doanh mặt hàng chính là bán xe máy, phụ tùng xe máy và hàng nông sản. Doanh thu và giá vốn các loại hình khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp. Chi tiết doanh thu và giá vốn của Công ty được trình bày tại Thuyết minh VI.1 và Thuyết minh VI.2.

Khu vực địa lý**Kỳ này**

	Trong nước	Ngoài nước	Tổng cộng
Doanh thu thuần	65.555.571.495	4.712.646.884	70.268.218.379
Giá vốn hàng bán	(50.376.977.647)	(4.245.539.602)	(54.622.517.249)
Lợi nhuận gộp	15.178.593.848	467.107.282	15.645.701.130

Kỳ trước

	Trong nước	Ngoài nước	Tổng cộng
Doanh thu thuần	851.557.212.677	1.260.376.895.292	2.111.934.107.969
Giá vốn hàng bán	(808.478.575.803)	(1.206.897.161.326)	(2.015.375.737.129)
Lợi nhuận gộp	43.078.636.874	53.479.733.966	96.558.370.840

4. Cam kết thuê hoạt động

Công ty phải trả mức tiền thuê tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	30/6/2023	01/01/2023
Dưới 1 năm	861.355.425	861.355.425
Từ 1 đến 5 năm	3.445.421.700	3.445.421.700
Trên 5 năm	24.421.057.438	24.851.735.150
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	28.727.834.563	29.158.512.275



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Cam kết góp vốn

	30/6/2023	01/01/2023
Cty TNHH MTV Dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao Angimex	24.600.000.000	24.600.000.000
Công ty TNHH MTV Kỳ Nguyên Xanh Angimex	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng cộng các khoản góp vốn tối thiểu	44.600.000.000	44.600.000.000

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Đến thời điểm 30/6/2023, Công ty đã có số lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính riêng là 204.695.117.081 VND. Khoản lỗ này đã làm cho vốn góp của chủ sở hữu (vốn điều lệ) tại ngày 30/6/2023 bị giảm xuống âm 22.695.117.081 VND, tương đương 12,47% vốn góp của chủ sở hữu.

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn

Tại ngày 30/6/2023, Công ty có nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 676.211.075.800 VND (Tại ngày 01/01/2023, Công ty có nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 496.243.017.169 VND), điều này ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty và có thể sẽ ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 được thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2023, Công ty có kế hoạch thanh lý một số tài sản cũng như thoái vốn đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết để tái cấu trúc hoạt động của Công ty, giảm khó khăn về nguồn vốn, chi phí lãi vay, giảm lỗ trong thời gian tới.

Cao Phước Qui
Người lập

Trần Thị Cẩm Châm
Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 12 tháng 9 năm 2023

-
- * **VĂN PHÒNG TPHCM:** 386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel : (84-028) 3526 1357 - 3526 1358 * Fax : (84-028) 3526 1359 * Email : svc-hcm@vnn.vn
- * **VĂN PHÒNG CN TP.HCM:** 366/7A Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh
Tel : (84-028) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax : (84-028) 3553 3732 * Email : saoviet1011@vnn.vn
- * **VĂN PHÒNG CN CẦN THƠ:** Lô 66, Đường số 11, Khu dân cư công ty Cổ phần xây dựng TP.Cần Thơ, P.Hưng Thạnh, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ
Tel : (0292) 3765 999 * Fax (0292) 3765 766 * Email : svc-ct@vnn.vn
-
- * **OFFICE HCM CITY:** 386/51 Le Van Sy, Ward 14, District 3, Ho Chi Minh City
Tel : (84-028) 3526 1357 - 3526 1358 * Fax : (84-028) 3526 1359 * Email : svc-hcm@vnn.vn
- * **BRANCH OFFICE HCM CITY:** 366/7A Chu Van An, Ward 12, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City
Tel : (84-028) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax : (84-028) 3553 3732 * Email : saoviet1011@vnn.vn
- * **BRANCH OFFICE CAN THO CITY:** Plot 66, 11th St., Cantho Construction Co.,Ltd Residential, Hung Thanh Ward, Cai Rang District, Cantho City
Tel : (0292) 3765 999 * Fax (0292) 3765 766 * Email : svc-ct@vnn.vn

SVC SVC SVC SVC SVC S
C SVC SVC SVC SVC SVC

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44.9./XNK-TCKT

An Giang, ngày 12 tháng 09 năm 2023

(V/v giải trình lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 bị lỗ và giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 so với 6 tháng đầu năm 2022 đã soát xét)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang xin giải trình lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 bị lỗ và giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 so với 6 tháng đầu năm 2022 đã soát xét như sau:

1. Đối với BCTC riêng lẻ bán niên năm 2023 đã soát xét:

Doanh thu 6 tháng đầu năm 2023 trên BCTC của Angimex giảm 2.041.666 triệu đồng (giảm 97% so với cùng kỳ), giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng cũng giảm tương ứng, nhưng chi phí tài chính vẫn ở mức cao, dẫn đến kết quả kinh doanh vẫn lỗ, tuy vậy thời gian vừa qua công ty đã tiết giảm chi phí quản lý, nên lợi nhuận sau thuế đã có cải thiện hơn, giảm lỗ 10% so với cùng kỳ năm 2022.

2. Đối với BCTC hợp nhất bán niên năm 2023 đã soát xét:

Đối với BCTC hợp nhất, lợi nhuận sau thuế giảm 51.519 triệu đồng, tương ứng giảm 836% so với cùng kỳ năm 2022, nguyên nhân chủ yếu do doanh thu hoạt động tài chính giảm mạnh (giảm 72% so với cùng kỳ) và chi phí lãi vay tăng cao (tăng 93% so với cùng kỳ).

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC riêng				BCTC hợp nhất			
	Lũy kế 6T 2023	Lũy kế 6T 2022	Chênh lệch	%	Lũy kế 6T 2023	Lũy kế 6T 2022	Chênh lệch	%
Doanh thu thuần bán hàng & dịch vụ	70.268	2.111.934	-2.041.666	-97%	321.624	2.381.341	-2.059.717	-86%
Giá vốn hàng bán	54.623	2.015.376	-1.960.753	-97%	310.300	2.252.438	-1.942.138	-86%
Lợi nhuận gộp	15.646	96.558	-80.913	-84%	11.324	128.903	-117.579	-91%
Doanh thu hoạt động tài chính	39.710	38.619	1.091	3%	17.776	62.997	-45.221	-72%
Chi phí tài chính	66.027	66.696	-669	-1%	39.625	71.139	-31.514	-44%
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	48.670	24.771	23.899	96%	56.024	28.969	27.056	93%
Phần lãi lỗ trong Cty LDLK	00	00	00	0%	-1.915	3.365	-5.281	-157%
Chi phí bán hàng	5.306	86.981	-81.675	-94%	26.429	115.310	-88.880	-77%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.838	15.112	-5.275	-35%	18.483	19.349	-866	-4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-25.815	-33.612	7.797	23%	-57.352	-10.532	-46.820	-445%
Lợi nhuận khác	-706	4.200	-4.906	-117%	-99	4.837	-4.936	-102%
Tổng lợi nhuận trước thuế	-26.521	-29.412	2.891	10%	-57.451	-5.695	-51.756	-909%
Thuế TNDN	00	180	-180	-100%	231	469	-238	-51%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-26.521	-29.592	3.071	10%	-57.682	-6.164	-51.519	-836%

Kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT



TỔNG GIÁM ĐỐC

HUYNH THANH TÙNG